

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa – *Cán bộ hưu trí*

Bà Thiều Thị Phi Loan - *Cán bộ hưu trí*

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: Ông Mai Văn Thông
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1379/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thúy M**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 3/22, khu phố 5, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh D**, sinh năm 1980

HKTT: 163/2/5, khu phố 1, phường T, thành phố B

Tạm trú: 3/22, khu phố 5, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

(Bà M, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Thúy M trình bày:

Bà và ông Trần Thanh D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do tính

tình không hợp nhau. Tháng 10/2017, bà M có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Tuy nhiên, do ông D mong muốn hàn gắn nên bà đã rút đơn lại. Nhưng từ khi rút đơn đến nay vợ chồng bà vẫn không thể hàn gắn được, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Hiện nay bà không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông D.

Về con chung: có một cháu tên Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014, ly hôn bà đồng ý giao cháu cho ông D nuôi dưỡng, chăm sóc, Tạm thời, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thanh D trình bày:

Ông và bà Đinh Thị Thúy M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hai vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Tuy nhiên, bà M xin ly hôn ông không đồng ý do ông còn thương bà M và cháu Đ.

Về con chung: có một cháu tên Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014. Nếu ly hôn, ông xin được nuôi cháu Đ, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử có mặt quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà M khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà M xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà M trình bày vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Theo ông D trình bày ông không đồng ý ly hôn với bà M. Vì mâu thuẫn giữa ông và bà M không lớn và ông vẫn còn tình cảm với bà M nên đề nghị được hàn gắn, đoàn tụ. Mặc dù theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, D. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc ông D, bà M đều thừa nhận vợ chồng mâu

thuần đến mức không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến vào tháng 3 năm 2018 bà M nộp đơn xin ly hôn và đã rút đơn để hàn gắn đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải nhưng bà M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông D là có thật. Cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M, cho bà M được ly hôn ông D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà M, ông D có 01 con chung là cháu Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014. Ông D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ và bà M đồng ý giao cháu Đ cho ông D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vậy, giao cháu Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho ông D nuôi dưỡng là phù hợp. Vì không trực tiếp nuôi con nên bà M được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông, bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M; Về con chung: Giao cháu Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho ông Trần Thanh D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí: bà M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đinh Thị Thúy M và ông Trần Thanh D.
- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Khoa Đ, sinh ngày 12/01/2014 cho ông Trần Thanh D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà M được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà M phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 007648 ngày 08/6/2018.

Bà M, ông D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP.B;
- THADS TP.B;
- Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa